TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KBANG** **TỈNH GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/8/2021.
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KBANG, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hồng Phương.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Thi.
2. Bà Hoàng Thị Quế.

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Tố Uyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Ngày 26/8/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình (HN&GĐ) thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021 về việc: ***"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*** theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/7/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/8/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lương Thị H, sinh năm 1980;
Địa chỉ: Làng C, xã Tơ T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Vi Văn T, sinh năm 1970;
Địa chỉ: Làng C, xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Chị H có đơn xin xét xử vắng mặt và anh T vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 07/4/2021 và các tài liệu có trong hồ sơ nguyên đơn chị Lương Thị H trình bày:

Chị và anh T sau thời gian quen biết, tìm hiểu đã tự nguyện T tới hôn nhân vào ngày 22/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai.

Quá trình chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và lối sống, không thống nhất trong các vấn đề của cuộc sống, vợ chồng xảy ra cãi vã nên chị H không thể chung sống với anh T được nữa. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 08 năm. Nay, chị xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị đã thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh T được ly hôn với nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Vi Thị T, sinh ngày 04/11/1997; Vi Thị H, sinh ngày 17/11/1999 và Vi Văn H1, sinh ngày 20/4/2008. Do cháu T và cháu H đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với cháu H1, từ khi ly thân đến nay cháu đang sống cùng anh T nên chị H có nguyện vọng giao cháu cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ hàng tháng với mức 800.000 đồng/tháng cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động.

Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Vi Văn T, mặc dù đã được Tòa án Thông báo về việc thụ lý vụ án, triệu tập làm bản tự khai, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và H1 giải, triệu tập đến tham gia phiên tòa hợp lệ nhưng anh T đều cố tình vắng mặt không có lý do nên không trình bày được quan điểm về nội dung vụ án.

Các tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp, gồm: 01 Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2002 mang tên Vi Văn T và Lương Thị H (bản chính); 01 Chứng minh nhân dân mang tên Lương Thị H (bản pho to); 01 Sổ hộ khẩu mang tên chủ hộ Vi Văn T (bản sao); 02 Giấy khai sinh mang tên Vi Thị H và Vi Văn H1 (bản sao); 01 Giấy khai sinh mang tên Vi Thị T (bản pho to); 01 đơn xin xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 27/5/2021.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh: Chị H và anh T tự nguyện T tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai vào ngày 22/4/2002; chị H và anh T có 03 con chung tên Vi Thị T, sinh ngày 04/11/1997; Vi Thị H, sinh ngày 17/11/1999 và Vi Văn H1, sinh ngày 20/4/2008. Điều này được thể hiện qua chứng cứ do chị H giao nộp là bản chính Giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/4/2002 mang tên Vi Văn T và Lương Thị H; 02 bản sao Giấy khai sinh mang tên Vi Thị H và Vi Văn H1 và 01 bản pho to Giấy khai sinh mang tên Vi Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lương Thị H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa chị và anh Vi Văn T có địa chỉ tại làng C (trước đây là Suối Lơ), xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn anh Vi Văn T đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; chị Lương Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử T hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lương Thị H và anh Vi Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 22/4/2002 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh T là hợp pháp.

[4] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Lương Thị H:

Chị H cho rằng trong quá trình chung sống giữa chị và anh T đã phát sinh nhiều mẫu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính tình nhau, khác nhau về suy nghĩ và lối sống, không thống nhất trong các vấn đề của cuộc sống, vợ chồng xảy ra cãi vã. Chị H và anh T phần ai nấy sống, không quan tâm gì đến nhau đã được hơn 08 năm. Nay chị H xét thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã thật sự trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Vi Văn T được ly hôn với nhau.

Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã T hành triệu tập hợp lệ (niêm yết) các văn bản tố tụng cho anh T nhiều lần để làm bản tự khai, tham gia các phiên họp và H1 giải, các phiên tòa xét xử nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, thể hiện thái độ bỏ mặc, không quan tâm đến việc tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân với chị H. Bên cạnh đó, tại đơn xác nhận tình trạng hôn nhân ngày 27/5/2021 của làng C, xã T thể hiện chị và anh T đã không còn chung sống với nhau hơn 08 năm.

Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị H và anh T đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần căn cứ quy định tại các Điều 51 và Điều 56 của Luật HN&GĐ năm 2014 để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

[5] Về con chung: Chị Lương Thị H và anh Vi Văn T có 03 con chung tên Vi Thị T, sinh ngày 04/11/1997; Vi Thị H, sinh ngày 17/11/1999 và Vi Văn H1, sinh ngày 20/4/2008. Do cháu T và cháu H đã thành niên, có khả năng lao động nên chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét. Đối với cháu H1, từ khi ly thân đến nay cháu được anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, nguyện vọng của cháu H1 là muốn được bố trực tiếp nuôi dưỡng. Do vậy, để không làm đảo lộn cuộc sống, sinh hoạt của cháu; Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu H1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu H1 theo định kỳ hàng tháng với mức 800.000 đồng/tháng cho đến khi thành niên, có khả năng lao động là phù hợp nên được HĐXX chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: Chị H và anh T có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị H và anh T không có nợ chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)*.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 93, Điều 94, Điều 143, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lương Thị H được ly hôn với anh Vi Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Văn H1, sinh ngày 20/4/2008 cho anh Vi Văn T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị H cấp dưỡng nuôi cháu H1 theo định kỳ hàng tháng với mức 800.000 đồng/tháng, thời điểm cấp dưỡng kể từ tháng 8/2021 cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con vẫn có quyền đến thăm nom con, người trực tiếp nuôi con không được cản trở nếu họ không lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con của người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con, trong trường hợp người trực tiếp nuôi con không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, theo yêu cầu của một hoặc hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con. Hai đương sự đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Lương Thị H phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003259 ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Bản án này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Gia Lai;
-VKSND huyện Kbang;
-Chi cục THADS huyện Kbang;
-Các đương sự;
-UBND cấp xã nơi ĐKKH;
-Lưu HSVA,VPTA.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Phương